

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **8117** /UBND-VX

Hà Nội, ngày **30** tháng **10** năm **2013**

V/v thực hiện Nghị định số
138/2013/NĐ-CP ngày
22/10/2013 của Chính phủ

Kính gửi:

- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính,
Kế hoạch và Đầu tư;
- Thanh tra Thành phố;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Các trường Cao đẳng trực thuộc Thành phố.

Thực hiện Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (*xin gửi bản chụp kèm theo*), Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ:

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan triển khai tổ chức, thực hiện Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22/10/2013 của Chính phủ; báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố; | để báo cáo
- Đ/c CVP, PVP Đỗ Đình Hồng;
- Phòng: VX, TH;
- Lưu: VT, VX_{ch}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

CHÍNH PHỦ

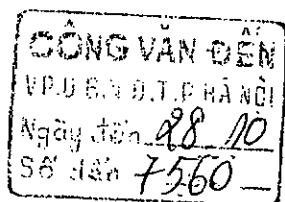
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 438 /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,**Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục,*Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Mức phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa áp dụng đối với cá nhân là 50 triệu đồng, với tổ chức là 100 triệu đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền đối với tổ chức, trừ mức phạt tiền quy định tại Khoản 5 Điều 9; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 11; Khoản 1 và các điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều 13; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16; Khoản 1 Điều 20 và Khoản 1 Điều 22 của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân.

Cùng một hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng một phần hai mức phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Các biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

1. Buộc giải thể cơ sở giáo dục, tổ chức thuộc cơ sở giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập không đúng thẩm quyền.

2. Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật.

3. Buộc hủy bỏ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học có nội dung không phù hợp, xuyên tạc, kích động bạo lực, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

4. Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi viết thêm, sửa nội dung bài thi, học bạ, sổ điểm, phiếu điểm hoặc các tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học.

5. Buộc đảm bảo quyền lợi của thí sinh đối với hành vi làm mất bài thi.

6. Buộc trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại; trường hợp không thể trả lại được thì nộp về ngân sách nhà nước số tiền do hành vi vi phạm mà có.

7. Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau bằng số lượng đã tuyển vượt; buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoạt động giáo dục;

8. Buộc bổ sung môn học hoặc nội dung giáo dục còn thiếu theo chương trình giáo dục quy định.

9. Buộc bổ sung đầy đủ điều kiện về đội ngũ nhà giáo, về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đảm bảo chất lượng giáo dục hoặc đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học.

10. Buộc hủy bỏ kết quả thi, kết quả đánh giá môn học, kết quả bảo vệ luận văn, luận án không đúng quy định; chấm lại bài thi, đánh giá lại kết quả môn học, tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án.

11. Buộc hủy bỏ phôi văn bằng chứng chỉ đã in không đúng nội dung quy định.

12. Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với cơ sở giáo dục đã tuyển trái phép, bị giải thể, bị tước giấy phép, bị đình chỉ hoạt động giáo dục.

Chương II **HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT** **VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

Mục 1 **CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC** **VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

Điều 5. Vi phạm quy định về thành lập cơ sở giáo dục, tổ chức thuộc cơ sở giáo dục

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục.

2. Phạt tiền đối với hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ để được thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;

b) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường trung cấp chuyên nghiệp;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường cao đẳng, trường đại học.

3. Phạt tiền đối với hành vi tự ý thành lập cơ sở giáo dục theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường trung cấp chuyên nghiệp;

d) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường cao đẳng, trường đại học, học viện.

4. Phạt tiền đối với hành vi thành lập tổ chức thuộc cơ sở giáo dục không đúng thẩm quyền theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thuộc trường trung cấp chuyên nghiệp;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thuộc cơ sở giáo dục đại học.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng quyết định thành lập, cho phép thành lập trong thời gian từ 12 đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với trường hợp đã tuyển trái phép do hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc giải thể cơ sở giáo dục, tổ chức thuộc cơ sở giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong quyết định cho phép hoạt động giáo dục.

2. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục ngoài địa điểm được phép theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm tin học;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường trung cấp chuyên nghiệp;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học.

3. Phạt tiền đối với hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động giáo dục như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hoạt động giáo dục mầm non;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hoạt động giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, ngoại ngữ, tin học;

c) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hoạt động giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;

d) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hoạt động giáo dục đại học.

4. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục khi chưa được phép hoạt động theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục mầm non;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục đại học, trừ trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều này;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục theo chương trình thạc sĩ, tiến sĩ.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng quyết định cho phép hoạt động giáo dục từ 12 đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động giáo dục từ 12 đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được phép hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với trường hợp đã tuyển trái phép do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về dạy thêm

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về dạy thêm theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động dạy thêm không đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động dạy thêm không đúng đối tượng;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động dạy thêm không đúng nội dung đã được cấp phép;

d) Từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động dạy thêm khi chưa được cấp phép.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép dạy thêm từ 6 đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động dạy thêm từ 12 đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả lại cho người học các khoản tiền đã thu và chịu mọi chi phí trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c và d Khoản 1 Điều này.

Mục 2

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH

Điều 8. Vi phạm quy định về thông báo, tư vấn tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi thông báo tuyển sinh không đầy đủ thông tin về đối tượng tuyển sinh, trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, địa điểm đào tạo, hồ sơ người học và học phí của khóa học hoặc không thực hiện đúng với nội dung của thông báo tuyển sinh.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thông báo tuyển sinh chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài khi chưa được cấp phép thực hiện chương trình đó trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tư vấn du học hoặc tư vấn tuyển sinh chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam khi chưa được cấp phép thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi hỗ trợ tuyển sinh hoặc hỗ trợ việc thu nhận hồ sơ tuyển sinh chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài khi chưa được cấp phép thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức tuyển sinh đối với ngành, chuyên ngành khi chưa được cấp phép.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức tuyển sinh chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài khi chưa được cấp phép thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

8. Hình thức xử phạt bổ sung: Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối

với trường hợp đã tuyển trái phép do hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về đối tượng tuyển sinh

1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng ở cấp trung học phổ thông theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

b) Từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 đến dưới 20 người học;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 20 người học trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trung cấp chuyên nghiệp sai đối tượng theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 đến dưới 30 người học;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.

3. Xử phạt đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, đại học sai đối tượng theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

b) Từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 đến dưới 30 người học;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc đình chỉ tuyển sinh 12 tháng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.

4. Xử phạt đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ sai đối tượng theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai đến dưới 5 người học;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 5 đến dưới 10 người học;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng hoặc đình chỉ tuyển sinh 12 tháng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học trở lên.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai man, giả mạo giấy tờ trong hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy trình quy định trong quy chế tuyển sinh.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về chỉ tiêu tuyển sinh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trung cấp chuyên nghiệp vượt số lượng so với chỉ tiêu đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo hoặc được giao theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 5% đến dưới 10%;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ vượt số lượng so với chỉ tiêu đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo hoặc được giao theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 5% đến dưới 10%;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;

d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển vượt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Mục 3

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG, LIÊN KẾT

Điều 11. Vi phạm quy định về thời lượng, nội dung, chương trình giáo dục

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không có đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định hoặc không sử dụng thiết bị dạy học đã được trang bị theo quy định.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không dạy đủ số tiết trong chương trình đào tạo của một môn học theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 5 tiết;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm từ 5 tiết đến dưới 10 tiết;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không bố trí dạy đủ số tiết trong chương trình đào tạo của một môn học theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 5 tiết;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm từ 5 tiết đến dưới 10 tiết;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý thêm, bớt nội dung môn học hoặc không tổ chức bảo vệ luận văn, đồ án đã quy định trong chương trình giáo dục.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi thành lập hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ khi người học chưa hoàn thành chương trình học theo quy định, chưa hoàn thành luận văn, luận án hoặc thành viên hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ không đúng quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc đình chỉ đào tạo từ 6 đến 12 tháng đối với hành vi hoạt động giáo dục không đúng thời gian đào tạo hoặc hình thức đào tạo đối với chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc đình chỉ đào tạo từ 6 đến 12 tháng đối với hành vi giảng dạy chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài không đúng theo chương trình trong hồ sơ cấp phép.

8. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ đào tạo từ 6 đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung nội dung môn học hoặc chương trình đào tạo còn thiếu, tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều này đến mức bị đình chỉ đào tạo.

Điều 12. Vi phạm quy định về đào tạo liên thông, liên kết

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về đào tạo liên thông theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo liên thông không đủ các điều kiện theo quy định;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo liên thông các ngành hoặc trình độ đào tạo khi chưa được giao nhiệm vụ đào tạo liên thông.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về liên kết đào tạo theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng liên kết đào tạo không đầy đủ nội dung thông tin về đối tác liên kết, địa điểm tổ chức đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, mức thu học phí, kinh phí đào tạo và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm của các bên tham gia liên kết;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo cấp bằng chính quy;

d) Từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo với đối tác không đúng quy định;

đ) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép thực hiện liên kết đào tạo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với trường hợp đã tuyển trái phép vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1, Điểm d và Điểm đ Khoản 2 Điều này.

Mục 4

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 13. Vi phạm quy định về thi

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người dự thi và người tổ chức thi, thanh tra thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi thông tin sai sự thật về kỳ thi.

3. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy chế thi theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi mang tài liệu, thông tin, vật dụng không được phép vào phòng thi, khu vực chấm thi;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài;

c) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thi thay hoặc thi kèm người khác;

d) Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm hoặc sửa chữa nội dung bài thi hoặc sửa điểm bài thi trái quy định;

đ) Từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo bài thi;

e) Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức chấm thi sai quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi làm mất bài thi.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm lộ bí mật hoặc làm mất đề thi.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy chế theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm ở trường trung cấp chuyên nghiệp;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Mục 5

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, CẤP VÀ SỬ DỤNG VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ

Điều 15. Vi phạm quy định về quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý văn bằng, chứng chỉ theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không lập đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để cấp, quản lý văn bằng, chứng chỉ hoặc hành vi xử lý phôi văn bằng chứng chỉ viết, in sai, hỏng không đúng quy định;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi in phôi văn bằng, chứng chỉ không đúng nội dung quy định.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về việc cấp văn bằng, chứng chỉ theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cấp văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định;

b) Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học không đủ điều kiện;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cấp văn bằng, chứng chỉ không đúng thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ đã in không đúng nội dung quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về sử dụng và công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật và công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác hoặc sử dụng văn bằng chứng chỉ bị tẩy, xóa, sửa chữa.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi làm giả văn bằng, chứng chỉ.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Mục 6

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 17. Vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ tiêu chuẩn ở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ tiêu chuẩn ở trung cấp chuyên nghiệp, giáo dục đại học.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo giảng dạy chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài không đúng quy định về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ.

Điều 18. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trong các cơ sở giáo dục

Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trên tổng số giáo viên, giảng viên trong cơ sở giáo dục theo các mức phạt cụ thể như sau:

1. Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở giáo dục phổ thông;

2. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở trường trung cấp chuyên nghiệp;

3. Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học.

Điều 19. Vi phạm quy định về chính sách đối với nhà giáo hoặc hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Điều 20. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi để xảy ra việc sửa chữa học bạ, sổ điểm, phiếu điểm hoặc các tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ quản lý người học theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về kỷ luật người học, ngược đãi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người học

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi kỷ luật buộc người học thôi học không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, ngược đãi, xâm phạm thân thể người học.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ giảng dạy từ 1 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ các quyết định trái pháp luật và khôi phục quyền học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về phổ cập giáo dục

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập.

Mục 7
CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ,
TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 23. Vi phạm quy định về quản lý, sản xuất, cung ứng và sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm, tiếp nhận sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học có nội dung không phù hợp, xuyên tạc, kích động bạo lực, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thiết bị dạy học không đúng quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về học phí, lệ phí và các khoản thu khác

1. Vi phạm quy định về học phí, lệ phí bị xử phạt theo quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thu, chi tài chính theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thu các khoản trái quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại; trường hợp không trả lại được thì nộp về ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng hoặc bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học

1. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học cụ thể như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 50% đến 100% định mức quy định hoặc

tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt từ 50% đến 90% định mức quy định;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 100% định mức quy định trở lên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt dưới 50% định mức quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo ngành khi không đủ số lượng tiến sĩ, thạc sĩ theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung đầy đủ các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này;

b) Buộc bổ sung đầy đủ các điều kiện đảm bảo an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục không đúng thực tế.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định.

3. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đánh giá, công bố kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục không đúng thực tế.

4. Phạt tiền đối với hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ để được thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông;

b) Từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ sở giáo dục đại học, trường trung cấp chuyên nghiệp.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tự ý thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giải thể tổ chức kiểm định giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Điều 27. Thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

1. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

2. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ;

b) Công chức khi đang thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 28. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa là 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định này.

Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra

1. Thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa là 500.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này.

2. Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa là 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;
- e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Sở có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa là 50.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 70.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 100.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định này.

Điều 30. Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất

Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 7 Điều 8 Nghị định này đến mức phải thực hiện trực xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam thì thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về quy định việc tạm giữ, áp giải người theo thủ tục hành chính và áp dụng hình thức xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.

2. Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 40/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục xảy ra trước ngày 01 tháng 7 năm 2013 mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

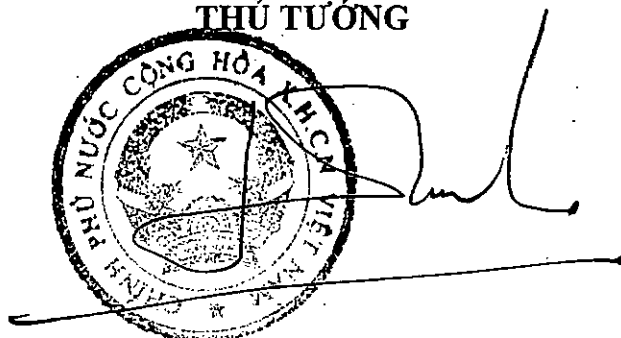
Điều 33. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng